

Số: 04/2023/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 28 tháng 4 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định nội dung, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 13/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 ban hành định mức xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Danh mục các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục

tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh được quy định tại Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên).

## 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

### **Điều 2. Nội dung, chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư**

1. Nội dung hỗ trợ chuẩn bị đầu tư: Hỗ trợ thực hiện các công việc lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình.

#### 2. Định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có): Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đơn giản (lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản): Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản áp dụng đối với tất cả các loại công trình được tính bằng 1,5% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (*chưa có thuế giá trị gia tăng và không bao gồm giá trị nhân dân đóng góp*) trong tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở. Chi phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng 0,019% nhân với tổng mức đầu tư hoặc dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*không bao gồm giá trị nhân dân đóng góp*).

### **Điều 3. Nội dung, chi phí hỗ trợ quản lý dự án**

1. Nội dung hỗ trợ quản lý dự án: Hỗ trợ thực hiện các công việc quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng.

#### 2. Định mức chi phí hỗ trợ quản lý dự án

a) Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đơn giản: Được xác định bằng 1,7% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (*chưa có thuế giá trị gia tăng và không bao gồm giá trị nhân dân đóng góp*) trong tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi phí giám sát thi công xây dựng: Được xác định bằng 1,8% nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (*chưa có thuế giá trị gia tăng và không bao gồm giá trị nhân dân đóng góp*) trong tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



#### **Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị**

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý theo phân công, phân cấp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát, kiểm tra, tình hình thực hiện các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Quyết định này.

3. Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán đối với các dự án áp dụng quy định tại Quyết định này.

#### 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý.

b) Giao phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định hồ sơ xây dựng công trình đơn giản khi Ủy ban nhân dân cấp xã có đề nghị.

#### 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hướng dẫn, kiểm tra Ban Quản lý cấp xã hoặc Ban phát triển thôn lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan quản lý xây dựng trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ việc lập hồ sơ (nếu có).

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản của các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trên địa bàn do mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thẩm định.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn do mình quản lý.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo các quy định mới tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khi có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phổ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo, CVCK VP UBND tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ, Đài PT-TH tỉnh, Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Thành Đô**